

Số: /UBND-KH

Bản Lang, ngày 1 tháng 10 năm 2014

KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong xã.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn xã.
7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

B. NỘI DUNG CỦA “KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI”

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

1. Đặc điểm địa lý: Xã Tả Lềng nằm phía Tây bắc của huyện Tam Đường, phía Đông giáp xã Giang Ma, phía Tây giáp xã Thèn Sin, phía Nam giáp xã San Thành thành phố Lai Châu, phía Bắc giáp xã Sin Suối Hồ huyện Phong Thổ và xã Chung Lềng Hồ huyện Bát Xát tỉnh Lào Cai.

2. Tình hình dân số: Toàn xã hiện có 734 hộ với 3.943 nhân khẩu. Trong đó:

- Nam giới có 1.988 người, chiếm 50,4%.
- Nữ giới có 1.955 người, chiếm 49,6%.
- Trẻ em dưới 16 tuổi có 1.516 người (nam 1.213 người, nữ 303 người), chiếm 38,4%.
- Người già có 223 người (nam 67 người, nữ 156 người), chiếm 5,7%.
- Người khuyết tật có 8 người (nam 2 người, nữ 6 người), chiếm 0,02%.
- Phụ nữ có thai và nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi có 132 người.
- Số người trong độ tuổi lao động là 1.490 người (nam 750 người, nữ 740 người), chiếm 37,8%
- Thanh niên và trung niên (từ 16-60 tuổi) 2.204 người (nam 1.532 người, nữ 672 người), chiếm 55,9%
- Số hộ nghèo: 248 hộ

3. Việc sử dụng đất, nước, rừng (tài nguyên thiên nhiên):

Với tổng diện tích tự nhiên là 5.057,5 ha, việc sử dụng đất của xã nhằm phục vụ cho mục đích: đất ở, đất sản xuất nông nghiệp và đất trồng rừng. Cụ thể:

- Đất thổ cư có tổng diện tích: 1.046,1 ha.
- Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực 575 ha, gồm: Lúa mùa 212 ha; ngô xuân hè 183 ha. Trong đó thâm canh tăng vụ lúa chiêm 10 ha, ngô đông xuân 40 ha; ngô thu đông 130 ha.
- Tổng diện tích trồng thảo quả 5 ha
- Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp dài ngày (chè) 16,26 ha
- Tổng diện tích đất có rừng 3.176,5 ha
- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản: 1,44 ha.

4. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản, kinh doanh của xã Tả lềng chủ yếu của người dân là sản xuất nông, lâm nghiệp là chính, bên cạnh đó có một tỷ lệ nhỏ hộ buôn bán, chăn nuôi nhỏ lẻ. Lương

thực bình quân đầu người 700Kg/người/năm; Thu nhập bình quân đầu người đạt 15,5 triệu đồng /người/năm. Trong đó:

- Cây lương thực:

+ Lúa: Năng suất bình quân 53 tạ/ha/năm, sản lượng 1.176,6 tấn/năm.

+ Ngô: Năng suất bình quân đạt 35 tạ/ha/năm, sản lượng 2.653,5 tấn/năm.

- Cây công nghiệp (chè): Năng suất bình quân 33 tạ/ha/năm

- Chăn nuôi: Tổng đàn gia súc hiện có: 4.120 con. Trong đó: Đàn trâu: 1.010 con; đàn bò: 9 con; đàn dê: 211 con; đàn lợn: 2.815 con.

- Nuôi cá: Năng suất bình quân 13 tạ/ha/năm, sản lượng 1,872 tấn/năm.

5. Hạ tầng cơ sở

- Công trình thủy lợi: 8 công trình.

- Cầu: có 02 cầu treo.

- Trường lớp học: có 03 trường học kiên cố.

- Trạm y tế: có 01 trạm.

- Đường giao thông gồm: 19 km đường đất; 11 km đường bê tông và đường nhựa.

- Hệ thống thông tin liên lạc có 01 trạm phát thanh và 04 loa phóng thanh, đã bị hư hỏng.

- 4/13 bản có hệ thống loa truyền thanh

- Hệ thống lưới điện gồm: 17 km tuyến đường dây, 4 trạm biến áp

6. Nhà ở: Toàn xã hiện có 734 ngôi nhà. Trong đó:

- Nhà kiên cố: 0 nhà.

- Nhà tạm, dễ sập: 19 nhà.

- Nhà bán kiên cố: 715 nhà.

- Nhà ven suối: 0 nhà.

- Nhà ven đồi, núi cao, dốc: ? nhà.

7. Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

- Toàn xã có 8 công trình nước sạch; 113 bể chứa nước; 134 nhà vệ sinh tự hoại; 599 nhà vệ sinh tạm.

- Hiện tại xã chưa có đội thu gom rác thải và chưa có khu xử lý rác thải.

8. Y tế: Trên địa bàn xã hiện có 01 trạm y tế kiên cố, có 07 nhân viên y tế phục vụ người dân 24/24.

9. Công tác phòng, chống thiên tai

Xác định rõ công tác PCTT là một trong những công tác trọng tâm hàng đầu trong năm, vì vậy ngay từ đầu năm, xã đã xây dựng kế hoạch PCTT-TKCN với phương châm “ Chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục nhanh chóng và hiệu quả ” nhằm giảm tới mức thấp nhất về người, tài sản, môi trường do thiên tai gây ra và tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua các buổi họp bản.

Xã đã thành lập Ban chỉ đạo xung kích xã và tại 13/13 bản của xã đã thành lập được Đội xung kích của bản.

Sau mỗi lần thiên tai, thực hiện nghiêm việc đánh giá thiệt hại, đánh giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo kịp thời.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai

Là một xã miền núi nên hàng năm xã phải đối đầu với nhiều loại thiên tai như: lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, lốc xoáy, rét hại, sét. Những năm gần đây xảy ra thiên tai lớn, diễn biến khá phức tạp, gây thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân trong xã. Cụ thể một số thiên tai đã xảy ra trên địa bàn xã:

- Lũ quét:

- + Xu hướng: Nhiều hơn, thất thường, khó dự đoán, thời gian ngắn (1 ngày 1 đêm).
- + Tháng 6-8/2009, lũ quét xảy ra tại bản: Hồ Pên làm cuốn trôi 3 con trâu, 7 con dê; Sập 1 cầu treo; Thiệt hại 1,5 ha thảo quả; gây ô nhiễm môi trường.

- Gió lốc

+ Xu hướng: Xảy ra nhiều hơn, bất thường, khó dự đoán, thời gian xảy ra nhanh và kết thúc nhanh (khoảng 30 phút)

+ Tháng 4/2014, xảy ra trên địa bàn toàn xã, gây thiệt hại: 13 nhà tạm bị tốc mái; 1 nhà bị đổ; 1ha ngô bị gãy đổ

- Sạt lở đất

- + Xu hướng: Nhanh bất ngờ, xảy ra thường xuyên hơn theo mùa mưa.
- + Tháng 7/2007 xảy ra tại bản Pho Lao Chải, làm: Hỏng 01 nhà; Vùi lấp 0,3ha đất ruộng.

- Rét hại

+ Xu hướng: Bất thường, dài ngày hơn, nhiệt độ xuống thấp hơn (từ 6 - 8 độ C)
+ Tháng 2/2008 xảy ra trên toàn xã, làm: Học sinh phải nghỉ học (2 tuần); Hoa màu thiệt hại (Năng suất giảm); 160 con trâu chết, thiếu sức kéo.

- Sét

+ Xu hướng: Bất thường, nhiều hơn, thường xuyên hơn.
+ Xảy ra vào tháng 9/2012 tại bản San Tra Mông, làm chết 2 người phụ nữ đang đập lúa ngoài ruộng.

- Hạn hán

+ Xu hướng: Kéo dài hơn, nhiệt độ cao (trên 30 độ C), thời tiết khô
+ Tháng 2 - 4/2011 xảy ra trên địa bàn toàn xã, làm: 70% mạ (3 ha), 70% hoa màu (ngô) (100 ha) và người dân thiếu nước sinh hoạt; Thiếu đói ở 2 bản Phìn Ngan Xin Chải, Phìn Ngan Lao Chải - có 80 hộ bị ảnh hưởng.

Chi tiết về tình hình thiên tai tham khảo Bảng 3.

2. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp

a. Tổng hợp Rủi ro thiên tai

Nhận xét: Với các thiên tai thường xuyên xảy ra cùng với tình trạng dễ bị tổn thương trên địa bàn xã người dân đã đưa ra được 10 rủi ro cơ bản và được xếp hạng như sau:

*** An toàn cộng đồng**

- Nguy cơ chết người.....7
- Mất nhà ở, tài sản.....5
- Hư hại các công trình công cộng4

*** Sản xuất**

- Thiếu ăn 2
- Mất mùa, giảm năng suất cây trồng.....1
- Mất diện tích đất sản xuất.....6

***Sức khỏe, VSMT**

- Ô nhiễm môi trường sống.....8
- Gia súc, gia cầm bị chết và bị dịch bệnh.....3
- Dịch bệnh ở người.....4

b. Các rủi ro thiên tai mà cộng đồng quan tâm nhất:

1. Mất mùa, giảm năng suất cây trồng
2. Thiếu ăn
3. Gia súc, gia cầm bị chết và bị dịch bệnh

Lý do: Các rủi ro trên xảy ra thường xuyên, trên diện rộng và ảnh hưởng nhiều đến đời sống người dân trên toàn xã.

c. Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai

Từ các rủi ro ưu tiên được xác định, nhóm đánh giá đã sử dụng công cụ phân tích nguyên nhân của rủi ro Mất mùa, giảm năng suất và gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh để tìm ra được các nguyên nhân từ đó cùng người dân xác định được các giải pháp và xếp hạng các giải pháp cơ bản sau:

1. Tuyên truyền cho người dân (phòng chống thiên tai, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao kỹ thuật sản xuất)
2. Duy tu bảo dưỡng hệ thống kênh mương
3. Tổ chức tập huấn kiến thức PCTT, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt
4. Xây dựng hồ chứa nước.
5. Bồi dưỡng nâng cao kiến thức, năng lực cho cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, thú y và cán bộ xã
6. Chuyển đổi cây trồng vật nuôi phù hợp
7. Hỗ trợ sinh kế tăng thu nhập cho người dân.
8. Tổ chức các lớp xóa mù chữ cho nam, nữ.

Từ 08 giải pháp trên, nhóm đánh giá đã thực hiện xếp hạng chọn ra 04 giải pháp ưu tiên để đưa ra các hoạt động, như sau:

| T T | Các giải pháp | Hoạt động cụ thể thực hiện giải pháp | Địa điểm, đối tượng hưởng lợi | Chịu trách nhiệm | Thời gian dự kiến | Dự trù kinh phí (VNĐ) | Nguồn ngân sách dự kiến | | |
|--------|---------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------------|-------------------|-----------------------|-------------------------|-------------|-----------|
| | | | | | | | Dân | Chính quyền | Bên ngoài |

| | | | | | | | | | |
|---|--|--|--|---|--------------|-----------|---|---|--|
| 1 | Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng (PCT T, ý thức VSM T, sản xuất, chăn nuôi) | - Lập kế hoạch cho chương trình tuyên truyền | - Người dân toàn xã đặc biệt người nghèo, phụ nữ | Văn hóa xã phối hợp với Hội CTĐ, hội phụ nữ, , | - Ngắn hạn | 1.000.000 | | X | |
| | | - Tuyên truyền PCTT, VSMT, PC dịch bệnh bằng tiếng dân tộc và tiếng phổ thông | Người dân toàn xã | Văn hóa xã phối hợp với Hội CTĐ, hội phụ nữ, | Thường xuyên | 2.600.000 | X | X | |
| | | - Tuyên truyền trong các cuộc họp bản, các cuộc họp của các ban ngành đoàn thể | - Tại các bản trong xã (45% nữ tham gia) | Nhóm HTKT, nhóm CĐ, cán bộ các ban ngành đoàn thể | Thường xuyên | | | X | |
| | | - Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh | Toàn xã | Cán bộ văn hóa xã | Thường xuyên | 2.500.000 | | X | |
| | | - Tổ chức diễn tập cảnh báo | - 5 bản vùng nguy cơ cao | UBND, Quân sự, Công an, Dân quân, y tế, đội xung kích | - 1 năm/lần | 2.000.000 | | X | |
| | | - Pa nô khẩu hiệu | Trung tâm xã | - Văn hóa xã | Trung hạn | | | X | |
| | | | | | | | | | |
| 2 | Tổ chức tập | Lập kế hoạch tập huấn về PCTT và kỹ | UBND Xã | - Nhóm hỗ trợ kỹ thuật, ban Phòng | - Ngắn hạn | | | X | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|-----------------|--|---|---|---|
| | huấn kiến thức PCTT , kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt | thuật sản xuất chăn nuôi . | | chống lụt bão, cán bộ khuyến nông, thú y | | | | | |
| | | Vận động nguồn lực | UBND xã | - UBND xã, khuyến nông, thú y | - Ngắn hạn | | | X | X |
| | | Triển khai tập huấn | Cán bộ UBND xã: 22 người trong đó có 7 nữ; Người dân 150 người, trong đó có 45 nữ; Bản nguy cơ cao: Pho Xín Chải, Phìn Ngan Lao Chải, Phìn Ngan Xín Chải (Mỗi bản 50 người: 15 Nữ, 35 nam) | UBND xã, nhóm hỗ trợ kỹ thuật, ban Phòng chống lụt bão, cán bộ khuyến nông, thú y | Trung hạn | 70.000.0 00(10.00 0.000 /1 lớp) | X | X | X |
| | | Giám sát, đánh giá, rút kinh nghiệm | UBND xã | UBND xã | Ngắn hạn | | | X | |
| 3 | Chuyể n đổi cây trồng vật nuôi phù | Lập đề án chuyển đổi | UBND xã | UBND xã, cán bộ địa chính nông nghiệp xã | Ngắn hạn | | | X | |
| | | Tuyên truyền thay đổi nhận thức của | Người dân toàn xã | Cán bộ khuyến nông, thú y, | Thường xuyên | 26.000.0 00 | | X | |

| | | | | | | | | | |
|---|---|--|----------------|--|---------------|-------------------------------------|---|---|---|
| | hợp | người dân | | phụ trách bản | | | | | |
| | Tập huấn kiến thức, kỹ thuật cho người dân | - Người dân (48 nữ); Bản phìn Ngan Xín Chải, Thèn Pả - Người dân 13 bản | | - Cán bộ khuyến nông, thú y, phụ trách bản, cán bộ huyện | Trung hạn hạn | 15.000.000 | X | X | X |
| | Xây dựng mô hình điểm (trồng giống mới) | Người dân vùng trung tâm | | Cán bộ khuyến nông, khuyến lâm | Trung hạn hạn | 300.000.000 | X | X | X |
| | Triển khai thực hiện quy mô toàn xã | Toàn xã | | Cán bộ khuyến nông, khuyến lâm, UBND xã, người dân | Trung hạn | | X | X | X |
| 4 | Tổ chức các lớp xóa mù chữ cho cả nam và nữ | Lập kế hoạch xóa mù chữ | Phòng giáo dục | UBND xã, Phòng giáo dục | Ngắn hạn | | | X | |
| | Vận động người dân ra lớp học | Người dân không biết chữ | | UBND xã, phụ nữ, trưởng bản, giáo viên | | | | X | |
| | Triển khai thực hiện các lớp xóa mù | Nhà văn hóa, Các điểm trường, Nhà dân | | UBND xã, trưởng bản, các đoàn thể xã, phòng giáo | Dài hạn | 6 lớp: mỗi lớp 30 người; 20.000.000 | | X | X |

| | | | | | | | | | |
|--|--|--|---|----------------------------------|--------------|--|---|---|---|
| | | | | đục, giáo viên | | | | | |
| | | Giám sát, đánh giá, tổng kết, viết báo cáo | Người dân tham gia đánh giá - Điểm trường, nhà văn hóa; Người dân 13 bản | Giáo viên, trưởng bản, cán bộ xã | Thường xuyên | | X | X | X |

3. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng - mối quan tâm của người dân

Người dân lo lắng quan tâm nhất là lũ quét, sạt lở đất, và rét hại xảy ra, nó ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của nhân dân, nên mối lo ngại nhiều nhất của người dân là mất mùa, giảm năng suất cây trồng, thiếu ăn, và gia súc gia cầm bị chết bị dịch bệnh. Đặc biệt vấn đề cấp thiết cần làm ngay là người dân bị mù chữ, người dân nhận thức được rằng chính vì mù chữ mà người dân thiếu kiến thức trong tất cả các lĩnh vực PCTT, VSMT, kỹ thuật chăn nuôi, sản xuất..., nên đời sống nhân dân rất khó khăn, chính vì vậy mà chỉ tập trung vào “Miếng cơm manh áo” nên còn chú quan trọng PCTT, còn có tư tưởng trông chờ ỷ lại.

4. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Nhận xét chung: với những diễn biến ngày càng phức tạp của thiên tai đã ảnh hưởng trầm trọng đến phần lớn đời sống người dân trong xã, với đặc thù là xã miền núi, người dân của xã chủ yếu làm nông, lâm nghiệp thuần túy, không có ngành nghề phụ nên đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, bên cạnh đó do nhận thức về rủi ro thiên tai của người

dân còn hạn chế, điều kiện bố trí nơi ở tại cộng đồng là những nơi nguy cơ cao và cũng do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên trên địa bàn xã tình trạng dễ bị tổn thương còn nhiều.

+ **Vật chất:** 19 nhà tạm, 19 km đường đất đá, 8 công trình, 2 cầu treo, 2 công trình nước sạch xuống cấp, 17km tuyến đường dây, 4 trạm biến áp; 223 người già (nam 67 người, nữ 156 người); 8 người khuyết tật (2 nam, 6 nữ); 132 Phụ nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi và phụ nữ mang thai; 463 Trẻ em dưới 6 tuổi (Nam: ... Nữ:...); 248 hộ nghèo; 97,2 ha thảo quả, 183 ha cây ngô, 16,3 ha chè, 3 ha mạ. Chưa có bác sỹ, 10% hộ dân chưa có điện, hệ thống nước dẫn trực tiếp chưa qua xử lý; Chưa có nơi thu gom rác thải; 30% hộ chưa có chuồng chăn nuôi đạt tiêu chuẩn, Trâu bò lợn gà thả rông; 599 hộ có nhà vệ sinh tạm bợ....80 hộ thiếu nước sinh hoạt vào mùa khô (ở 2 bản Phìn Ngan Xin Chải, Phìn Ngan Lao Chải).

+ **Tổ chức xã hội:** Đội ngũ tuyên truyền thiếu, đi lại khó khăn trong mùa mưa, cán bộ chưa được tập huấn về PCTT, Thiếu kinh phí; Sự phối hợp giữa các ban ngành chưa thường xuyên, chặt chẽ; Chưa thông tin đầy đủ cho người dân; Thiếu kinh phí, chưa phát triển được các ngành nghề phụ; chưa có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Phương tiện sản xuất còn lạc hậu; Ban chăm sóc sức khỏe thiếu chuyên môn, chưa kiểm tra đánh giá được dịch bệnh và sức khỏe cộng đồng; Còn dịch bệnh thường xuyên xảy ra: Đau mắt, sốt rét, tiêu chảy, cúm; Chưa xử phạt hành chính đối với người vi phạm.

+ **Thái độ, động cơ:** Một số hộ dân còn ỷ lại, chủ quan, nhận thức thấp, chưa chủ động phòng chống thiên tai, chưa biết chuẩn bị nguồn lực; Người dân chưa có kiến thức phòng tránh thiên tai (trú mưa ở gốc cây to, cầm các đồ kim loại khi trời mưa...), 90% hộ dân chưa chằng chống nhà. Người dân còn thiếu kiến thức, ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; 80% hộ chưa có biện pháp chống rét cho chè. Người dân thiếu kiến thức, chưa chủ động chăm sóc sức khỏe; Thiếu ý thức vệ sinh môi trường; Nhiều trẻ em còn chưa ý thức được vệ sinh cá nhân; Trâu bò, lợn, gà còn thả rông.

Chi tiết về các yếu tố dễ bị tổn thương tham khảo Bảng 4.

5. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó của cộng đồng

Nhận xét chung: Xã đã thành lập Ban chỉ đạo PCLB-GNTT, các bản đã thành lập các đội xung kích; Hàng năm đã xây dựng kế hoạch phòng chống giảm nhẹ tác động của thiên tai và tiến hành tuyên truyền đến người dân trong xã.

+ **Vật chất:** 01 Trụ sở UBND, 01 trạm y tế, 03 trường học kiên cố; 4 bản đã có hệ thống loa truyền thanh; 59,6 km kênh mương; 4,5 km đường bê tông; 6,5 km đường dải nhựa, hệ thống lưới điện đã kéo đến 12/13 bản của xã và 670/734 hộ đã có điện ; 90% hộ dân có xe máy, 60% hộ có ti vi; 8 công trình nước sinh hoạt và 113 bể chứa nước.

+ **Tổ chức xã hội:** Thành lập ban PCLB xã (28 người, 27 nam, 01 nữ) phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong ban, 13 bản có đội xung kích; Có hướng dẫn để chuyển đổi cây trồng vật nuôi cho phù hợp; Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai 13/13 bản; Vận động cho các hộ dân sống trong vùng nguy cơ cao di dời đến nơi an toàn.

+ **Nhận thức kinh nghiệm, thái độ động cơ:** Một số người cao tuổi có kinh nghiệm nhận biết các hiện tượng tự nhiên để truyền lại cho con cháu, một số hộ dân đã có ý thức phòng chống thiên tai. Một số người dân chưa có ý thức tự vươn lên, còn tư tưởng chông chờ ỷ lại.

Chi tiết về nguồn lực tham khảo Bảng 5.

6. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Qua đánh giá ở 2 cụm bản và 03 nhóm đặc thù (Học sinh, Phụ nữ, người già) cho thấy:

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn thấp.
- Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về hiểm họa, thiên tai.
 - Người dân đã có một số kinh nghiệm dân gian về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, đặc biệt là áp dụng các kinh nghiệm dân gian đó trong điều kiện thích ứng BĐKH.
 - Người dân còn chủ quan trước thiên tai.
 - Ý thức của một bộ phận cộng đồng trong phòng tránh thiên tai chưa cao, không tuân thủ nghiêm các quy định sơ tán, di dời khi thiên tai xảy ra.

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

1. Tổ chức phòng ngừa

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.

- b) Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.
- c) Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có rủi ro thiên tai cao.
- d) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.
- đ) Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (Chi tiết xem Mục II, Phụ lục 1).
- e) Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác (Các công trình này cần được kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có thiên tai).

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- a) Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm (ví dụ: Đê, kè, cống...);
- b) Phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- c) Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;
- d) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- đ) Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- e) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);
- f) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- h) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

2.2. Phương án ứng phó cho một số loại thiên tai cụ thể:

** Đối với, lũ quét, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy :*

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;

- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trong địa bàn xã;

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;

- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

* *Đối với hạn hán:*

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán;

- Kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước có liên quan đến xã, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

- Phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống cụ thể.

* *Đối với rét hại:*

- Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;

- Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

* *Đối với nắng nóng, lốc, sét và các loại thiên tai khác :*

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;
- Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;
- Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;
- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;
- Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;
- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;
- Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;
- Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
- Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
- Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

a- Kiện toàn Ban chỉ đạo PCBL - TKCN của xã với tổng số: 28 đ/c gồm có 13 trưởng bản, còn lại là các ngành, tổ chức đoàn thể xã hội

b- Phân công các thành viên phụ trách các khu vực

| Bản theo dõi | Cán bộ theo dõi | Chức vụ | điện thoại | Ghi chú |
|--------------|-----------------|---------|------------|---------|
| Pho Xin Chải | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Pho Lao Chải | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Thèn Pá | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Phìn Ngan XC | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Hàng Là | | | | |
| | | | | |
| Hồ Pên | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

| | | | | |
|-------------------------|--|--|--|--|
| Phìn Ngan LC | | | | |
| | | | | |
| Sơn Tra Mông | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Sơn Tra Mán | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Lùng Than Lao Chải | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Lùng Than Chung Chải | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| Tả Lèng | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

+ Bưu điện: Chuẩn bị thật tốt công tác thông tin kịp thời, liên tục.

+Trạm xá: Chuẩn bị các phương tiện của ngành quy định đảm bảo ứng phó, cấp cứu... trực đảm bảo 24/24 giờ.

+ Tài chính xã: Bố trí kinh phí đáp ứng kịp thời khi có tình huống xấu xảy ra, đảm bảo cơ sở vật chất kịp thời.

+ Trường học: 06 trường trên địa bàn xã chủ động kiểm tra các trang thiết bị và nhà cửa của các điểm trường thuộc nhà trường quản lý để có thông báo kịp thời về BCD xã và BCD PCBL - TKCN của huyện.

+ Các Trưởng Bản của từng bản phụ trách trực tiếp bản mình quản lý, nắm chắc khu vực bản, các hộ gia đình khi có sự cố xảy ra. Chỉ đạo huy động lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, vật tư tại chỗ. Báo cáo nhanh BCD xã, BCD PCBL - TKCN của huyện kịp thời.

+ Phân công trực 24/24 giờ: Khi có Chỉ thị của cấp trên gửi xuống về phòng chống bão lũ khi đổ bộ vào địa bàn.

c. Giao ban chỉ huy quân sự xã, chuẩn bị 20 quân số tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, khi mưa bão đổ bộ vào địa bàn làm thiệt hại người và tài sản của nhân dân, phải huy động được ngay để ứng phó kịp thời.

d. Ban công an xã: Chuẩn bị thật tốt, làm tốt công tác an ninh trên địa bàn, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của nhân dân, không để xảy ra mất khi có mưa bão đổ bộ vào địa bàn làm thiệt hại đến người và tài sản của nhân dân, thu thập các thông tin kịp thời để xử lý.

- Khi có bão, nước lũ lớn, tổ chức làm barie gác các cầu ngầm trên địa bàn không cho người và phương tiện qua lại nhằm đảm bảo tính mạng, tài sản của nhân dân.

- Đảm bảo giao thông thông suốt.

e. Lực lượng công an và dân quân phối kết hợp tuần tra bảo vệ ANTT và TTATXH trên địa bàn trong thời gian mưa bão. Bố trí lực lượng quân số đủ đảm bảo công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, cơ sở vật chất phải đáp ứng kịp thời khi có tình huống xảy ra trên địa bàn.

f. Tất cả các ngành, các cấp phải xây dựng kế hoạch của ngành mình và cấp mình về công tác PCBL - TKCN, xây dựng phù hợp với thực tế của ngành mình khi có tình huống, thời tiết diễn biến xấu làm thiệt hại người và tài sản, huy động được ngay.

g. Các ngành, các cấp, Ban chỉ đạo PCBL - TKCN xã theo dõi thường xuyên nắm chắc tình hình khu vực được phân công quản lý. Báo cáo kịp thời về Ban chỉ đạo PCBL -

TKCN xã và báo cáo Ban chỉ đạo PCBL - TKCN huyện Tam Đường kịp thời khi có hiện tượng, hiểm họa hoặc thảm họa xảy ra trên địa bàn để đối phó được kịp thời hạn chế thiệt hại xảy ra do mưa bão gây ra.

- Tiếp tục vận động các hộ gia đình nằm ở khu vực có nguy cơ sạt lở ra khỏi khu vực tiếp tục ổn định lại sản xuất.

2. Công tác đảm bảo:

a. Đảm bảo thông tin liên lạc khi mưa bão, lũ xảy ra. Các thôn bản báo cáo về xã, Ban chỉ huy PCBL - TKCN xã qua các số điện thoại:

- Văn phòng UBND xã:.....
- Phòng Bí thư Đảng ủy xã:.....
- Phòng HĐND xã:.....
- Phòng Chủ tịch UBND xã:.....
- Phòng Phó Chủ tịch UBND xã:
- Phòng Công an xã:

b. Đảm bảo cơ động:

- Mỗi một hộ gia đình ít nhất có 01 người tham gia cơ động có cuốc hoặc xẻng, xà beng và các phương tiện khác để tham gia ứng cứu kịp thời khi có tình huống xảy ra.

- Trong những ngày mưa (không thuộc giờ hành chính) phân công các thành viên trực ban và thanh toán chế độ làm thêm giờ theo quy định.

3- Giám sát đánh giá:

Cần có kế hoạch giám sát và đánh giá quá trình và kết quả thực hiện: Nhóm đánh giá và giám sát có 5 ông, bà và nhiệm vụ của từng thành viên được phân công (có Quyết định kèm theo).

Kinh phí cho hoạt động giám sát đánh giá được trích từ quỹ PCTT của xã.

Định kỳ mỗi tháng nhóm đánh giá, giám sát có trách nhiệm báo cáo kết quả đánh giá và tiến độ với chủ tịch UBND xã và BCH - PCTT của xã.

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

Nêu ra được các bài học cần rút kinh nghiệm, những thông tin cần cập nhật, những hoạt động cần phải điều chỉnh ...

Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có); nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.

Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác phong, chống thiên tai.

Tả Lèng, Ngày tháng năm 2014

CHỦ TỊCH UBND XÃ

Phụ lục kèm theo

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI XÃ BẢN LANG

- 1. Bảng thông tin cơ bản**
- 2. Lịch sử thiên tai**
- 3. Lịch mùa vụ**
- 4. Bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ**
- 5. Điểm mạnh, điểm yếu**
- 6. Tổng hợp kết quả đánh giá RRTT-DVCD**